TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST Ngày 21-01-2021 V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc;
2. Ông Thái Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1132/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 432/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1975 (Có mặt);

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26/3, đường số 361, tổ 9, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 1219/34 đường H, Phường 5, quận T, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1976 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 26/5A, đường số 361, tổ 9, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 08/9/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Trương Thị H trình bày:*

Bà và ông H1 quen biết nhau qua mai mối và tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà về sống tại nhà riêng của bà mua trước khi kết hôn với ông H1, cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 2,5 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế gia đình, bản

thân bà sau khi sinh con không đi làm, ở nhà chăm con, ông H1 không lo làm ăn kiếm tiền lo cho vợ con mà ăn chơi, kết bạn với bạn bè xấu, cá độ, đá gà, số đề, nhậu nhẹt…, quên đi trách nhiệm làm chồng làm cha của bản thân, công việc của ông H1 không ổn định, ông H1 đi làm nhưng giữ tiền riêng, tiền phát gạo đong. Vì kinh tế bức bách bà phải gửi con đi làm, ông H1 bắt đầu ghen tuông vô cớ, vu khống bà theo trai, ngăn cấm bà giao tiếp với người khác và đánh đập bà tàn nhẫn như phát xít, nhiều lần ông H1 còn cầm dao đe dọa giết bà và con, làm cho hai mẹ con hoảng sợ, bà luôn sống trong tâm trạng phập phồng lo sợ không biết sống chết khi nào, bà cảm thấy ông H1 có vấn đề về thần kinh. Vì cuộc sống gia đình quá ngột ngạt, mẹ con bà sống tại nhà của mình mà như sống trong địa ngục trần gian, từ tháng 8/2019 bà chạy trốn tìm chỗ khác sinh sống, bà ở đâu, làm gì ông H1 cũng tìm tới quậy phá, chỗ làm cũng phải nghỉ để bảo toàn sinh mạng, không tìm được bà thì ông H1 nhắn tin đòi giết. Đến tháng 4/2020 bà về nhà thăm con gái, thấy con đã đến tuổi dậy thì không ai chăm sóc, ăn mặc quần áo cũ, người ngợm lem luốc, thương con nên bà dẫn con về tỉnh Đ sinh sống, ăn học. Sở dĩ bà không cho ông H1 biết địa chỉ nơi bà cư trú tại tỉnh Đ vì bà sợ ông H1 tìm đến quậy phá hoặc thậm chí là giết bà. Bà đã từng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng ông H1 không đến, sau đó bà rút đơn khởi kiện. Bà nhận thấy tình cảm bà dành cho ông H1 không còn, bà quá khiếp sợ ông H1, không thể tiếp tục cuộc hôn nhân này nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và H1 có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hoài Ph, sinh ngày 20/5/2011. Nay bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung vì cháu Ph là con gái đang đến độ tuổi dậy thì rất cần sự chăm sóc, bảo ban của mẹ, cháu cũng có nguyện vọng được sống với bà. Bà sống tại tỉnh Đ, đi giúp việc nhà lương tháng 7.000.000đ nên có đủ khả năng lo cho con, bà không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung bà và ông H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

** Tại 02 bản tự khai ngày 17/11/2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn là ông Nguyễn Văn H1 trình bày:*

Ông và bà H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn. Sau khi lập gia đình, vợ chồng ông về sống tại nhà của bà H đã mua trước đó nhưng chưa trả hết tiền mua nhà, hàng tháng ông phải trả góp tiền cho người ta khoảng 1.000.000đ, hiện nay đã trả xong, vợ chồng sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn như bà H trình bày, ông làm nghề buôn bán quần áo, mỗi lần bán hàng về, ông đều đưa tiền cho bà H cất giữ, khi nào ông cần thì kêu bà H đưa, ông chăm lo kinh tế gia đình, không hề có hành vi đe dọa hay đánh vợ. Theo ông mâu thuẫn xảy ra là do bà H buôn bán hàng đa cấp, ông không cho nhưng bà H vẫn làm theo ý mình. Ông có biết bà H nộp đơn xin ly hôn nhưng sau đó bà Hoài rút đơn ly hôn. Tháng 8/2019, bà H dọn đi nơi khác sinh sống, đến tháng 4/2020 thì bà H tự ý dẫn con gái đi nơi khác sống ông không hề biết, ông không được gặp con chung từ tháng 4/2020, việc bà H dẫn con đi ảnh hưởng đến việc học của con. Bản thân ông là người có nhân thân tốt, không cờ bạc, trai gái, không vi phạm pháp luật, không bạo hành gia đình. Nay nguyện vọng của ông là được đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà Hoài giao con chung cho ông nuôi dưỡng.

Ông và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hoài Ph, sinh ngày 20/5/2011. Trường hợp giải quyết ly hôn thì ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Tài sản chung: Ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 08/9/2020, bà Trương Thị H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Văn H1, về con chung bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông Hùng cũng có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn là ông H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 26/5A, đường số 361, tổ 9, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn H1 tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 175/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H cấp ngày 30/10/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà H thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 2010, hai bên chung sống hạnh phúc tại nhà riêng của bà, cuộc sống chỉ hạnh phúc được khoảng 2,5 tháng thì xảy ra mâu thuẫn vì vấn đề kinh tế gia đình, ông H1 đi làm nhưng giữ tiền riêng, mỗi ngày tiền phát gạo đong. Vì cuộc sống nên bà phải gửi con để đi làm, từ đó ông H1 lại sinh tật ghen tuông, chửi mắng, đánh đập bà thậm tệ, ông H1 còn cầm dao đe dọa giết bà và con, vì quá sợ hãi nên bà bỏ nhà tìm chỗ khác sinh sống từ tháng 8/2019, vợ chồng cũng ly thân từ đó, chỗ nào bà sống nếu ông H1 biết đều tìm đến để quậy phá, không để cho bà sống yên ổn, bà đã từng gửi đơn xin ly hôn nhưng do bị ông H1 đe dọa nên bà rút đơn, bà đã quá khiếp sợ ông H1, không thể tiếp tục chung sống với ông Hùng được nữa, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn.

Phía ông H1 cho rằng ông là người toàn tâm toàn ý với gia đình, vợ chồng ông vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn như những gì bà H trình bày nên ông mong muốn được đoàn tụ gia đình để cùng bà H lo cho con, không đồng ý ly hôn. Ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà H giao con chung cho ông nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét tuy ông H1 không thừa nhận giữa ông và bà Hoài có mâu thuẫn, tuy nhiên tại Bảng tường trình của bà H có xác nhận của Ban nhân dân ấp X, xã T, huyện C ngày 02/11/2019 thể hiện *"Hai vợ chồng không còn hòa đồng về cuộc sống hôn nhân"*, đồng thời tại nội dung các tin nhắn từ đầu số 0936.500.355 do

ông H1 là chủ thuê bao nhắn cho bà H có những lời lẽ đe dọa bà H, điều này ông H1 cũng thừa nhận tại các lần hòa giải và tại phiên tòa, hơn nữa bà H cũng đã từng nộp đơn xin ly hôn với ông H1 nhưng rút đơn khởi kiện, ông H1 mong muốn được đoàn tụ nhưng lý do ông H1 đưa ra không có cơ sở, đồng thời tại phiên họp hòa giải ngày 01/12/2020, ông H1 đã có những hành vi gây mất trật tự tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Tòa án nhân dân huyện Củ Chi phải mời Công an thị trấn C, huyện C và Công an huyện Củ Chi đến để giải quyết. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông H1 đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, nếu hàn gắn cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoài.

[4] Về con chung:

Bà H và ông H1 có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hoài Ph, sinh ngày 20/5/2011. Xét bà H và ông H1 đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tại bản tự khai ngày 27/11/2020 và tại các đơn tố cáo ba không đề ngày tháng năm, cháu Ph có nguyện vọng được sống với mẹ, hiện cháu Ph đang sống với mẹ và đang học lớp 4/4 trường tiểu học Nh, huyện C, tỉnh Đ theo xác nhận của Ban Giám hiệu nhà trường, để ổn định tâm sinh lý của cháu Ph, Hội đồng xét xử xét giao cháu Ph cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà H, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này. Nếu sau này bà H có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung:

Bà H và ông H1 xác định là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà H và ông H1 trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 51 và Điều 56 Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị H về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 175/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố H cấp ngày 30/10/2010 cho bà Trương Thị H và ông Nguyễn Văn H1 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà H và ông H1 có 01 con chung tên Nguyễn Thị Hoài Ph, sinh ngày 20/5/2011.

Giao cháu Hoài Ph cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc tạm thời không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung:

Bà H và ông H1 trình bày không tranh chấp.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung:

Bà H và ông H1 trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trương Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0084785 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA